

PHIẾU SỐ 13

Thứ Ngày

ĐIỂM SỐ

Họ tên:

Nhận xét:

(Ước mơ chỉ thành hiện thực khi bạn nỗ lực hành động,

Hãy hành động vì ước mơ của bạn !)

=====^^=====

BÀI 13: ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm.

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ 10 được viết là

A. $A = \{6;7;8;9\}$. **B.** $A = \{5;6;7;8;9;10\}$.

C. $A = \{5;6;7;8;9\}$. **D.** $A = \{6;7;8;9;10\}$.

Câu 2: Cho tập hợp $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 < x \leq 14\}$. Khẳng định sai là

A. $7 \in C$. **B.** $6 \notin C$. **C.** $10 \in C$. **D.** $8 \notin C$.

Câu 3: Chọn đáp án đúng

A. $a^0 = 1$. **B.** $a^1 = 0$. **C.** $a^2 = a.2$. **D.** $a^1 = 1$.

Câu 4: Kết quả phép tính $6^{12} \cdot 6^5$ viết dưới dạng lũy thừa bằng

A. 6^6 . **B.** 6^7 . **C.** 6^{17} . **D.** 6^5 .

Câu 5: Điền vào dấu * để số $\overline{62}$ * chia hết cho cả 3 và 9?

A. 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.

Câu 6: Số nào sau đây không là ước của 16?

A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 16.

Câu 7: Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

A. Nhân và chia $\Rightarrow$ Lũy thừa $\Rightarrow$ Cộng và trừ.

B. Lũy thừa $\Rightarrow$ Nhân và chia $\Rightarrow$ Cộng và trừ.

C. Cộng và trừ $\Rightarrow$ Nhân và chia $\Rightarrow$ Lũy thừa.

D. Lũy thừa $\Rightarrow$ Cộng và trừ $\Rightarrow$ Nhân và chia.

Câu 8: Cho $D = 90 + x + 155$, với giá trị nào của x thì $D \equiv 0 \pmod{11}$?

A. $x = 12$.

B. $x = 50$.

C. $x = 27$.

D. $x = 33$.

Câu 9: Trong các số: 345; 286; 7310; 8520, số nào chia hết cho cả 2, 3 và 5?

A. 345.

B. 286.

C. 7310.

D. 8520.

Câu 10: Kết quả của phép tính $3 \cdot 4^2 + 2 \cdot 5^2 - 2023^0$ là

A. 96.

B. 97.

C. 76.

D. 79.

TỰ LUẬN.

Câu 11: Tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $215 + 76 + 485 + 1224$

b) $48 \cdot 37 + 63 \cdot 48 - 800$

c) $180 - (5 \cdot 3^2 + 4^3 \cdot 2)$.

Câu 12: Tìm x biết

a) $135 - 2x = 55$

b) $80 - 4^x = 16$

c) $8(x + 25) - 167 = 281$.

Câu 13: Tìm chữ số a , biết: $\overline{1a2b}$ chia hết cho 3 và 5.

Câu 14: Tìm $n \in \mathbb{Z}$ sao cho

a) 25 chia hết cho $n + 2$

b) $2n + 4$ chia hết cho $n - 1$

Câu 15: Cho $A = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{20}$. Chứng minh $A \equiv 0 \pmod{11}$.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Lũy thừa 3^3 có giá trị bằng:

- A. 6. B. 9. C. 18. D. 27.

Câu 2: Kết quả phép tính $5^5 \cdot 5^9$ bằng:

- A. 5^{45} . B. 5^{14} . C. 25^{14} . D. 10^{14} .

Câu 3: Kết quả phép tính $12 \cdot 100 + 100 \cdot 36 - 100 \cdot 19$ là

- A. 2900. B. 3800. C. 290. D. 29000.

Câu 4: Cho $8 \cdot (x - 3) = 0$. Số x bằng:

- A. 1. B. 0. C. 2. D. 3.

Câu 5: Cho tập hợp $A = \{x \mid x \in \mathbb{N}; 2 < x < 8\}$. Cách viết đúng là:

- A. $2 \in A$. B. $5 \notin A$. C. $8 \in A$. D. $6 \in A$.

Câu 6: Gạo ST25 của Việt Nam được công nhận là một trong những loại gạo ngon nhất thế giới. Giá bán mỗi ki-lô-gam gạo ST25 là 33 000 đồng. Mẹ Mai mua 5kg gạo ST25 tại đại lí. Mẹ Mai cần trả bao nhiêu tiền?

- A. 33 000 đồng. B. 165 000 đồng.
C. 156 000 đồng. D. 1650 000 đồng.

Câu 7: Khối 6 có 380 học sinh đi tham quan. Nhà trường cần thuê ít nhất bao nhiêu xe ô tô 45 chỗ ngồi để đủ chỗ cho tất cả học sinh?

- A. 7 xe. B. 8 xe. C. 9 xe. D. 10 xe.

Câu 8: Tập hợp các số nguyên tố có một chữ số là:

- A. $\{2; 3; 5; 7; 9\}$. B. $\{0; 3; 5; 7\}$.
C. $\{1; 2; 3; 5; 7\}$. D. $\{2; 3; 5; 7\}$.

II. TỰ LUẬN

Câu 9: Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể)

a) $52 + 87 + 125 + 48 + 13$

b) $2^3 \cdot 156 - 56 \cdot 2^3$

Lời giải

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary-ruled notebook paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]